

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/4/2025

V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Nguyễn Thành Thái.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 479/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp Thuận Tiến, xã Bình Sơn, huyện H, tỉnh K (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Huỳnh Văn Đ**, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp Thuận Tiến, xã Bình Sơn, huyện H, tỉnh K (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Huỳnh Văn Đ sau thời gian tự tìm hiểu, yêu thương nhau thì được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2008. Sau đó anh chị thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25/7/2008.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên từ đầu năm 2021 cho đến nay giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hòa hợp. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không hàn gắn được nên anh chị đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên chị Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị D xác nhận chị và anh Đ có 4 người con chung tên Huỳnh Thị Thu Hương, sinh ngày 05/02/2005, Huỳnh Thị Thu Đào, sinh ngày 15/8/2006, Huỳnh Thị Thu Giàu sinh ngày 04/6/2015 và Huỳnh Văn Hoài, sinh ngày 18/7/2017.

Ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Giàu và cháu Hoài đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Hương và cháu Đào đã trưởng thành nên chị D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Mỹ D xác định quá trình chung sống với nhau, chị và anh Huỳnh Văn Đ không có tài sản chung, cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Văn Đ:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Huỳnh Văn Đ (ông Huỳnh Văn Độ là cha ruột của anh Đ nhận thay) nhưng anh Đ vẫn vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Đ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ. Xét thấy Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Huỳnh Văn Đ có nơi cư trú tại ấp Thuận Tiến, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Huỳnh Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Huỳnh Văn Đ được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2008. Sau đó anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 07/4/2008. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Huỳnh Văn Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị D về việc yêu cầu ly hôn với anh Đ thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị D và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa. Theo chị D trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mặc dù vợ chồng cũng đã hàn gắn nhưng không có kết quả, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị và anh Đ đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Chị D xác định trong thời gian chị và anh Đ sống ly thân với nhau, thì anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị D đoàn tụ gia đình, nhưng chị D vẫn kiên quyết ly hôn với anh Đ. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ nhiều lần, ông Độ là cha ruột của anh Đ nhận thay, ông cam kết đã thông báo lại cho anh Đ biết nhưng anh Đ vẫn vắng mặt và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh Đ cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D.

Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Đ đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Chị D xác định chị và anh Đ có với nhau 04 người con chung tên: Huỳnh Thị Thu Hương, sinh ngày 05/02/2005, Huỳnh Thị Thu Đào, sinh ngày 15/8/2006, Huỳnh Thị Thu Giàu sinh ngày 4/6/2015 và Huỳnh Văn Hoài, sinh ngày 18/7/2017. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Giàu và cháu Hoài đến tuổi trưởng thành, còn cháu Hương và Đào đã lớn nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị D thấy rằng: Từ khi chị D và anh Đ sống ly thân với nhau cho đến nay chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giàu và cháu Hoài, các con vẫn học tập và phát triển bình thường. Vì vậy, để đảm bảo ổn

định cuộc sống và nhằm giúp các con phát triển tốt về mọi mặt, nên tiếp tục giao cháu Huỳnh Thị Thu Giàu và Huỳnh Văn Hoài cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyên vọng của các con chung.

Riêng cháu Huỳnh Thị Thu Hương và Huỳnh Thị Thu Đào đã trưởng thành, chị D không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị Mỹ D không yêu cầu anh Huỳnh Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị D xác định giữa chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Thu Giàu sinh ngày 4/6/2015 và cháu Huỳnh Văn Hoài, sinh ngày 18/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Cháu Huỳnh Thị Thu Hương, sinh ngày 05/02/2005, Huỳnh Thị Thu Đào, sinh ngày 15/8/2006 đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Nguyễn Thị Mỹ D nuôi con; thì anh Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ D xác nhận giữa chị và anh Huỳnh Văn Đ không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009676 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Mỹ D không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn An